CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Domesco (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch
Ông Huỳnh Trung Chánh	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Tiến	Thành viên
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Alejandro Esteban WeinsteinManieu	Thành viên
Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2013)
Ông Jose Guillermo Frugone Domke	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2013)
Ông Nguyễn Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2013)
Ông Alexis Eduardo Camhi Levy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nhã Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không.
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Huỳnh Trung Chánh
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 8 năm 2013

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +848 3910 0751
Fax: +848 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số: 121 */ VN1A-HC-BC*

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Domesco

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Domesco (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 8 năm 2013, từ trang 3 đến trang 29. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.C.N: 0100112500-002-C.T.T.N.H.H. CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 20 tháng 8 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	**100**		**629.667.718.043**	**543.012.665.740**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**60.061.012.623**	**37.268.662.028**
1. Tiền	111		30.061.012.623	37.268.662.028
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**276.559.315.379**	**273.973.615.222**
1. Phải thu khách hàng	131		260.458.822.147	265.966.813.742
2. Trả trước cho người bán	132		10.994.962.861	2.503.353.773
3. Các khoản phải thu khác	135	6	9.463.852.833	10.394.679.060
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.358.322.462)	(4.891.231.353)
III. Hàng tồn kho	**140**	**7**	**280.467.713.244**	**220.661.977.295**
1. Hàng tồn kho	141		280.467.713.244	220.661.977.295
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**12.579.676.797**	**11.108.411.195**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.190.254.729	3.673.902.314
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.908.620.544	2.471.983.646
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	6.480.801.524	4.962.525.235
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	**200**		**294.097.032.232**	**304.572.101.542**
I. Tài sản cố định	**220**		**267.804.430.424**	**275.090.187.951**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	212.126.708.603	220.060.941.869
- Nguyên giá	222		364.724.070.062	365.273.220.638
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(152.597.361.459)	(145.212.278.769)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	52.009.114.780	38.220.456.806
- Nguyên giá	228		54.392.343.108	40.225.520.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.383.228.328)	(2.005.063.656)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	3.668.607.041	16.808.789.276
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**19.197.522.853**	**21.640.641.988**
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	7.000.000.000	7.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	-	20.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	20.626.000.000	626.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(8.428.477.147)	(5.985.358.012)
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**7.095.078.955**	**7.841.271.603**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	3.676.184.211	2.187.065.922
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	3.418.894.744	5.654.205.681
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**923.764.750.275**	**847.584.767.282**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**321.272.330.026**	**275.293.951.828**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**319.130.379.446**	**270.698.614.015**
1. Vay ngắn hạn	311	16	68.214.250.416	74.768.284.329
2. Phải trả người bán	312		189.637.602.439	102.525.362.660
3. Người mua trả tiền trước	313		6.062.604.580	1.470.070.435
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	7.492.303.634	21.719.320.684
5. Phải trả người lao động	315		18.007.319.378	23.537.138.512
6. Chi phí phải trả	316	18	18.399.264.828	33.397.085.547
7. Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	10.899.390.009	10.898.682.118
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		417.644.162	2.382.669.730
II. Nợ dài hạn	**330**		**2.141.950.580**	**4.595.337.813**
1. Phải trả dài hạn khác	333	20	2.141.950.580	1.943.936.113
2. Vay dài hạn	334		-	2.651.401.700
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**602.492.420.249**	**572.290.815.454**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**602.492.420.249**	**572.290.815.454**
1. Vốn điều lệ	411		178.093.360.000	178.093.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		229.515.239.894	229.515.239.894
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		128.693.956.155	102.846.539.106
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.809.336.000	17.809.336.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		48.380.528.200	44.026.340.454
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	**440**		**923.764.750.275**	**847.584.767.282**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
- Đô la Mỹ		112.702,99	264.564,17

Đoàn Thị Quyên	**Phạm Ngọc Tuyền**	**Huỳnh Trung Chánh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 tới 30/6/2013	Từ 01/01/2012 tới 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	704.709.984.305	611.891.886.212
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	65.837.372.427	42.123.773.268
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		638.872.611.878	569.768.112.944
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	447.136.728.458	386.640.550.404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		191.735.883.420	183.127.562.540
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.048.220.910	4.640.368.324
7. Chi phí tài chính	22	28	6.185.067.346	10.522.184.680
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		2.565.936.993	5.435.908.750
8. Chi phí bán hàng	24		74.062.835.786	57.490.011.631
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		52.098.325.031	61.379.917.821
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		61.437.876.167	58.375.816.732
11. Thu nhập khác	31		1.098.793.200	658.606.004
12. Chi phí khác	32		-	267.622.600
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.098.793.200	390.983.404
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		62.536.669.367	58.766.800.136
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	11.144.117.296	15.010.862.915
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	2.235.310.937	501.814.681
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**49.157.241.134**	**43.254.122.540**

Đoàn Thị Quyên	**Phạm Ngọc Tuyền**	**Huỳnh Trung Chánh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 tới 30/6/2013	Từ 01/01/2012 tới 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	**62.536.669.367**	**58.766.800.136**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	14.735.338.364	14.047.307.554
Các khoản dự phòng	3	1.910.210.244	7.403.355.096
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	1.040.810.430	(493.020.206)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(3.049.686.140)	(669.020.552)
Chi phí lãi vay	6	2.565.936.993	5.435.908.750
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**8**	**79.739.279.258**	**84.491.330.778**
Thay đổi các khoản phải thu	9	(1.420.508.044)	1.834.157.983
Thay đổi hàng tồn kho	10	(59.805.735.949)	(17.764.967.289)
Thay đổi các khoản phải trả	11	61.833.761.494	13.561.191.291
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.169.971.636	2.303.977.529
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.547.232.785)	(5.187.105.024)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.113.571.764)	(29.130.254.945)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.512.558.718	(2.091.208.504)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.472.402.996)	(13.963.694.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**52.896.119.568**	**34.053.427.689**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(9.910.425.582)	(10.639.110.667)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.011.818.184	594.991.361
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	13.657.980.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27	466.809.238	327.877.936
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(8.431.798.160)**	**3.441.738.630**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	81.258.848.716	88.014.597.639
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(90.464.284.329)	(120.984.075.290)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(12.466.535.200)	(17.765.635.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(21.671.970.813)**	**(50.735.112.651)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**22.792.350.595**	**(13.239.946.332)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**37.268.662.028**	**62.388.417.823**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	(1.609.882)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**60.061.012.623**	**49.146.861.609**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 726.597.595 đồng (kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 0) là giá trị tài sản mua sắm trong kỳ chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Đoàn Thị Quyên	**Phạm Ngọc Tuyền**	**Huỳnh Trung Chánh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Ngày 20 tháng 8 năm 2013		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400460395 ngày 30 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Thời gian hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 28 tháng 10 năm 2011. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY vào ngày 4 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là DMC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 1.268 người (31 tháng 12 năm 2012 là 1.335 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm-thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc; sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Do đó, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả và các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được.

- ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	3 – 25
Máy móc thiết bị	2 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Phương tiện vận tải	2 – 6
Tài sản khác	3 – 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn, phần mềm máy vi tính và bằng sáng chế được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi vốn góp thực tế của Công ty lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của công ty con tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại các đơn vị này.

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát khoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ. Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 6 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

  Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

  Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TIỀN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	6.255.052.075	3.761.456.864
Tiền gửi ngân hàng	23.805.960.548	33.507.205.164
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	-
	60.061.012.623	**37.268.662.028**

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất 7,5%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu khác từ các bên liên quan (thuyết minh số 32)	3.219.553.922	3.149.053.922
Trong đó:	-	-
+ Khoản cho vay	*2.900.000.000*	*2.900.000.000*
+ Lãi cho vay	*319.553.922*	*249.053.922*
Khoản thu khác từ các bên thứ ba	6.244.298.911	7.245.625.138
	9.463.852.833	**10.394.679.060**

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	52.079.742.837	25.043.314.038
Nguyên liệu, vật liệu	75.296.946.043	65.890.268.241
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.255.457.254	8.670.663.444
Thành phẩm	74.845.290.663	72.174.607.551
Hàng hoá	60.990.276.447	48.883.124.021
	280.467.713.244	**220.661.977.295**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) — **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng cho nhân viên	2.586.614.992	2.935.037.252
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.894.186.532	2.027.487.983
	6.480.801.524	**4.962.525.235**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	164.185.697.378	158.995.001.237	12.924.236.093	29.168.285.930	365.273.220.638
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.289.952.000	1.289.952.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.631.908.356	3.043.209.136	996.232.264	863.787.163	6.535.136.919
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.258.744)	-	(1.498.830.658)	(1.533.089.402)
Giảm khác	(11.800.000)	(2.470.341.930)	(4.359.008.163)	-	(6.841.150.093)
Tại ngày 30/6/2013	165.805.805.734	159.533.609.699	9.561.460.194	29.823.194.435	364.724.070.062
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	42.020.101.931	81.007.578.274	8.905.884.556	13.278.714.008	145.212.278.769
Khấu hao trong kỳ	3.768.762.958	7.488.906.288	907.260.912	2.192.243.534	14.357.173.692
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.258.744)	-	(1.498.830.658)	(1.533.089.402)
Giảm khác	(11.800.000)	(1.992.465.837)	(3.434.735.763)	-	(5.439.001.600)
Tại ngày 30/6/2013	45.777.064.889	86.469.759.981	6.378.409.705	13.972.126.884	152.597.361.459
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	**120.028.740.845**	**73.063.849.718**	**3.183.050.489**	**15.851.067.551**	**212.126.708.603**
Tại ngày 01/01/2013	**122.165.595.447**	**77.987.422.963**	**4.018.351.537**	**15.889.571.922**	**220.060.941.869**

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp nhà xưởng và máy móc thiết bị với tổng giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 30.282.576.821 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 32.000.971.943 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn từ ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 59.243.414.731 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 64.912.836.330 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	38.255.718.582	289.000.000	1.680.801.880	40.225.520.462
Tăng trong kỳ	-	400.000.000	-	400.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.766.822.646	-	-	13.766.822.646
Tại ngày 30/6/2013	52.022.541.228	689.000.000	1.680.801.880	54.392.343.108
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	1.076.544.750	9.633.333	918.885.573	2.005.063.656
Khấu hao trong kỳ	210.430.484	71.133.332	96.600.856	378.164.672
Tại ngày 30/6/2013	1.286.975.234	80.766.665	1.015.486.429	2.383.228.328
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2013	**53.309.516.462**	**769.766.665**	**2.696.288.309**	**56.775.571.436**
Tại ngày 01/01/2013	**37.179.173.832**	**279.366.667**	**761.916.307**	**38.220.456.806**

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 15.609.898.724 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 15.798.322.850 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn từ ngân hàng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công trình KCN Cần Lố: Chi phí san lấp, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật	183.341.818	183.341.818
Tổng kho II - Tân Tạo	1.117.430.319	14.039.714.745
+ Quyền sử dụng đất	-	*13.766.822.646*
+ Chi phí san lấp, xây dựng, công trình phụ	*1.117.430.319*	*272.892.099*
Nhà máy SX thuốc viên- cốm-bột	246.901.546	246.901.546
Nhà máy bao bì sạch	426.753.409	426.753.409
Khu bảo tồn, nuôi, trồng dược liệu ở Tri Tôn	245.962.287	184.598.651
Nhà máy nước tinh khiết Cần Lố	146.591.576	146.591.576
Nhà máy sản xuất thuốc Nonbetalactam	235.249.091	235.249.091
Máy móc, thiết bị	155.639.120	106.916.520
Công trình hồ chứa nước và đài nước - hạ tầng kinh tế cụm công nghiệp dược	86.576.730	84.758.548
Công trình nhà ăn công đoàn- cụm Cần Lố	64.500.000	64.500.000
Công trình sưu tầm, bảo tồn và phát triển dược liệu theo tiêu chuẩn GACP-WHO - Cụm công nghiệp kỹ thuật cao An Bình	-	61.363.636
Công Trình Nhà Lò Hơi -Cụm CN Dược Cần Lố	52.719.145	48.508.236
Công Trình cải tạo tổng kho thành NM Thực phẩm - TP Chức năng	706.942.000	-
Hệ thống xử lý nước thải - Trụ sở công ty	-	979.591.500
	3.668.607.041	**16.808.789.276**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) — **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH DOMENOL	Đồng Tháp	70%	70%	Sản xuất và kinh doanh cồn công nghiệp.

Chi tiết số vốn đã góp vào công ty con tại ngày kết thúc giai đoạn hoạt động của Công ty như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty TNHH DOMENOL	7.000.000.000	7.000.000.000

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Domenol ("Công ty con"), một công ty trách nhiệm hữu hạn có số vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng và được thành lập ở tỉnh Đồng Tháp. Số vốn góp của Công ty là 7.000.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 70% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 7.000.000.000 đồng và chiếm tỉ lệ 70%) quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con. Khoản đầu tư này được ghi nhận trên báo cáo tài chính sử dụng phương pháp giá gốc. Ban Tổng Giám đốc Công ty không tiến hành trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính này vì công ty con hiện đang quá trình hoàn việc xây dựng cơ bản và chưa chính thức đi vào hoạt động.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết khoản đầu tư tài chính dài hạn khác như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	626.000.000	626.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(8.428.477.147)	-
	12.197.522.853	**626.000.000**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700811591 ngày 14 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường đã tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng. Do đó, Công ty nắm giữ 1.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tương ứng với số tiền là 20 tỷ đồng và chiếm tỉ lệ 6,67% quyền sở hữu tại ngày kết thúc kỳ báo cáo (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: chiếm tỉ lệ 20% quyền sở hữu) tại Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường. Vì vậy khoản đầu tư vào công ty liên kết tại Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chuyển thành đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) — **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công cụ, dụng cụ	1.695.899.790	303.911.549
Chi phí thuê cửa hàng, văn phòng	264.833.335	309.000.000
Chi phí sửa chữa	1.715.451.086	1.574.154.373
	3.676.184.211	**2.187.065.922**

15. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong giai đoạn hoạt động.

	Chi phí phải trả VND	Dự phòng trợ cấp mất việc làm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	4.118.822.580	64.072.463	4.182.895.043
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.535.383.101	(64.072.463)	1.471.310.638
Tại ngày 01/01/2013	5.654.205.681	-	5.654.205.681
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	(2.235.310.937)	-	(2.235.310.937)
Tại ngày 30/6/2013	**3.418.894.744**	**-**	**3.418.894.744**

16. VAY NGẮN HẠN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	26.299.737.300	13.653.080.000
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	-	29.119.819.470
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	35.759.111.416	24.987.384.859
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	6.155.401.700	7.008.000.000
	68.214.250.416	**74.768.284.329**

Số dư của khoản vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là các khoản vay tín chấp từ các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính khác trong thời hạn từ 3 đến 6 tháng với lãi suất từ 7% đến 9% hàng năm cho khoản vay.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.922.081.390	5.556.294.651
Thuế tiêu thụ đặc biệt	27.165	3.613.271
Thuế xuất, nhập khẩu	193.356.756	468.569.612
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.953.143.955	13.922.598.423
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.211.034.125
Thuế tài nguyên	289.168	7.483.308
Các loại thuế khác	423.405.200	549.727.294
	7.492.303.634	**21.719.320.684**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Hoa hồng bán hàng	17.542.091.189	28.645.726.994
Chi phí trích trước khác	650.173.639	4.563.062.761
Lãi vay trích trước	207.000.000	188.295.792
	18.399.264.828	**33.397.085.547**

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	4.985.136.546	4.343.321.390
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.696.533.550	3.475.593.925
Phần còn lại của khoản trích 2% lợi nhuận sau thuế	1.986.713.277	1.986.713.277
Sở Y Tế Lâm Đồng / Chuyển nhầm tài khoản	302.947.785	302.947.785
Sở KHCN Đồng Tháp - Đề tài Enzyme từ đậu nành	73.566.200	61.422.900
Sở Khoa học Công nghệ Đồng Tháp / Phần kinh phí còn lại của Dự án nấm Thái Dương	53.693.623	201.623
Cổ tức	46.670.900	46.670.900
Thù lao Hội đồng quản trị	296.240.000	-
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	188.409.368	188.409.368
Đại học Y Dược	111.500.000	6.000.000
Phải trả phải nộp khác	157.978.760	487.400.950
	10.899.390.009	**10.898.682.118**

20. VAY DÀI HẠN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	-	2.651.401.700
	-	**2.651.401.700**

Vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 thể hiện các khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp với hạn mức 28,537 tỷ đồng trong thời hạn 5 năm (từ tháng 6 năm 2009). Lãi suất cho khoản vay là 6,9%/năm và được trả hàng tháng. Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay này (xem các thuyết minh số 9 và 10).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	6.155.401.700	7.008.000.000
Trong năm thứ hai	-	2.651.401.700
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	-
	6.155.401.700	**9.659.401.700**
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(6.155.401.700)	(7.008.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	**-**	**2.651.401.700**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần được phép phát hành	17.809.336	17.809.336
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	17.809.336	17.809.336
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ tại ngày 31/12/2012 và 30/6/2013		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2012 và 30/6/2013
	Cổ phiếu	%	VND
CFR International Spa	8.181.020	45.94%	81.810.200.000
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	6.181.778	34.71%	61.817.780.000
Cổ đông khác	3.446.538	19.35%	34.465.380.000
Cộng	**17.809.336**	**100%**	**178.093.360.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	178.093.360.000	229.515.239.894	79.760.512.313	17.809.336.000	60.610.393.638	565.788.841.845
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	91.234.023.023	91.234.023.023
Trích thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(350.724.000)	(350.724.000)
Phân phối quỹ	-	-	26.185.550.051	-	(26.185.550.051)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(13.785.192.221)	(13.785.192.221)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(65.894.543.200)	(65.894.543.200)
Chi đào tạo	-	-	(3.099.523.258)	-	-	(3.099.523.258)
Chi khác	-	-	-	-	(1.602.066.735)	(1.602.066.735)
Số dư tại ngày 01/01/2013	**178.093.360.000**	**229.515.239.894**	**102.846.539.106**	**17.809.336.000**	**44.026.340.454**	**572.290.815.454**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	49.157.241.134	49.157.241.134
Trích thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Hoàn nhập lợi nhuận sau thuế	-	-	(9.466.965.927)	-	9.466.965.927	-
Phân phối quỹ	-	-	35.868.380.370	-	(35.868.380.370)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.435.103.745)	(3.435.103.745)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(12.466.535.200)	(12.466.535.200)
Tăng khác	-	-	84.500.000	-	-	84.500.000
Chi khác	-	-	(638.497.394)	-	-	(638.497.394)
Số dư tại ngày 30/6/2013	**178.093.360.000**	**229.515.239.894**	**128.693.956.155**	**17.809.336.000**	**48.380.528.200**	**602.492.420.249**

Theo Nghị quyết số Đại hội đồng cổ đông số 12/NQ-ĐHCĐ-DMC thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2013 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012, cụ thể:

-Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi là 13.685.103.453 đồng (tạm trích trong năm 2012 là 11.750.000.000 đồng)
-Trích lập quỹ đầu tư phát triển là 35.868.380.370 đồng.
-Thù lao Hội đồng Quản trị và thù lao Ban Kiểm soát là 2.500.000.000 đồng.
-Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 39.180.539.200 đồng (cổ tức của năm 2012 tạm chi trả trong năm 2012 là 26.714.004.000 đồng).

Trong kỳ, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định hoàn nhập số tiền là 9.466.965.927 đồng từ Quỹ Đầu tư và phát triển theo Quyết định ngày 30 tháng 6 năm 2013 để bù đắp cho phần lợi nhuận chênh lệch do trình bày lại số liệu kiểm toán của báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán nguyên vật liệu dùng để chế biến dược phẩm và các loại dươc phẩm do Công ty sản xuất ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và các niên độ kê toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do xuất bán hàng hóa trong nội địa trong khi tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và các niên độ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa	182.162.995.059	173.806.591.192
Doanh thu sản xuất thuốc	516.912.495.033	434.147.733.936
Doanh thu sản xuất nước tinh khiết	1.939.755.673	1.495.832.903
Doanh thu sản xuất rượu	154.571.575	215.100.598
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.540.166.965	2.226.627.583
	704.709.984.305	**611.891.886.212**

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chiết khấu thương mại	64.443.313.478	40.889.686.235
Hàng bán bị trả lại	1.344.115.765	1.167.962.989
Thuế tiêu thụ đặc biệt	49.943.184	66.124.044
	65.837.372.427	**42.123.773.268**

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Giá vốn bán hàng hóa	167.955.448.720	155.503.088.965
Giá vốn sản xuất thuốc	277.946.653.775	230.084.516.348
Giá vốn sản xuất nước tinh khiết	1.127.844.841	891.147.331
Giá vốn sản xuất rượu	106.781.122	161.797.760
	447.136.728.458	**386.640.550.404**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	412.131.521.347	217.224.441.518
Chi phí nhân công	64.399.390.886	52.982.403.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.735.338.364	14.047.307.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.755.168.078	66.311.469.382
Chi phí khác bằng tiền	14.276.470.600	17.769.793.806
	573.297.889.275	**368.335.415.760**

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi	537.309.238	327.877.936
Lãi bán chứng khoán	-	2.046.480.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.342.915	631.920.244
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	493.020.206
Chiết khấu mua hàng	1.500.558.718	1.125.773.538
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.039	15.296.400
	2.048.220.910	**4.640.368.324**

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền vay	2.565.936.993	5.435.908.750
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	79.238.248
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.040.810.430	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	134.688.727	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.443.119.135	5.000.000.000
Chi phí tài chính khác	512.061	7.037.682
	6.185.067.346	**10.522.184.680**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Hoạt động chính	Hoạt động khác	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	68.606.490.993	(6.069.821.626)	62.536.669.367	58.766.800.136
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế			-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	(6.816.082.888)	-	(6.816.082.888)	16.287.514.440
Thu nhập chịu thuế	**61.790.408.105**	**(6.069.821.626)**	**55.720.586.479**	**75.054.314.576**
Cấn trừ với lỗ từ hoạt động khác	(6.069.821.626)	6.069.821.626	-	
Thu nhập chịu thuế sau cấn trừ	**55.720.586.479**	**-**	**55.720.586.479**	**75.054.314.576**
Thuế suất thông thường	20%	25%	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**11.144.117.296**	**-**	**11.144.117.296**	**15.010.862.915**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 cho hoạt động sản xuất thuốc. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế với thuế suất 25% cho các hoạt động kinh doanh khác.

Trong kỳ tính thuế 6 tháng đầu năm 2013, hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế có thu nhập chịu thuế và hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi thuế bị lỗ nên doanh nghiệp đã bù trừ số lỗ của hoạt động kinh doanh khác với số tiền là 6.069.821.626 đồng vào thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.439.490.143	795.391.593

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	955.200.000	655.913.636
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.062.500.000	503.181.818
	2.017.700.000	**1.159.095.454**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng và nhà thuốc cho các đại lý bán hàng. Các hợp đồng thuê khác được ký kết từ 6 tháng đến 5 năm.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản vay	68.214.250.416	77.419.686.029
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	60.061.012.623	37.268.662.028
Nợ thuần	8.153.237.793	40.151.024.001
Vốn chủ sở hữu	602.492.420.249	572.290.815.454
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**1%**	**7%**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương	30.061.012.623	37.268.662.028
Phải thu khách hàng và phải thu khác	265.564.352.518	271.470.261.449
Các khoản ký quỹ	6.480.801.524	4.962.525.235
Đầu tư dài hạn khác	12.197.522.853	626.000.000
Tổng cộng	**314.303.689.518**	**314.327.448.712**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	68.214.250.416	77.419.686.029
Phải trả người bán và phải trả khác	220.686.262.406	138.905.119.403
Chi phí phải trả	18.399.264.828	33.397.085.547
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	2.141.950.580	1.943.936.113
Tổng cộng	**309.441.728.230**	**251.665.827.092**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) — **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu. thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	2.577.849.155	5.518.808.586	92.419.280.864	111.283.162.262
Euro (EUR)	-	-	-	11.729.226.778

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	4.492.071.585	5.288.217.684

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt. các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) — **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương	30.061.012.623	-	30.061.012.623
Phải thu khách hàng và phải thu khác	265.564.352.518	-	265.564.352.518
Các khoản ký quỹ	6.480.801.524	-	6.480.801.524
Đầu tư dài hạn khác	-	12.197.522.853	12.197.522.853
Tổng cộng	**302.106.166.665**	**12.197.522.853**	**314.303.689.518**
Tại ngày 30/6/2013			
Các khoản vay	68.214.250.416	-	68.214.250.416
Phải trả người bán và phải trả khác	218.544.311.826	2.141.950.580	220.686.262.406
Chi phí phải trả	18.399.264.828	-	18.399.264.828
Các khoản ký quỹ, ký cược nhận được	2.141.950.580	-	2.141.950.580
Tổng cộng	**309.441.728.230**	**2.141.950.580**	**311.583.678.810**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(7.335.561.565)**	**10.055.572.273**	**2.720.010.708**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương	37.268.662.028	-	37.268.662.028
Phải thu khách hàng và phải thu khác	271.470.261.449	-	271.470.261.449
Các khoản ký quỹ	4.962.525.235	-	4.962.525.235
Đầu tư dài hạn khác	-	626.000.000	626.000.000
Tổng cộng	**313.701.448.712**	**626.000.000**	**314.327.448.712**
Tại ngày 31/12/2012			
Các khoản vay	77.419.686.029	-	77.419.686.029
Phải trả người bán và phải trả khác	136.961.183.290	1.943.936.113	138.905.119.403
Chi phí phải trả	33.397.085.547	-	33.397.085.547
Các khoản ký quỹ, ký cược nhận được	1.943.936.113	-	1.943.936.113
Tổng cộng	**249.721.890.979**	**1.943.936.113**	**251.665.827.092**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**63.979.557.733**	**(1.317.936.113)**	**62.661.621.620**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Công ty TNHH Domenol		
Góp vốn	-	500.000.000
Thanh toán cho chi phí hoạt động	-	32.255.000
Mua hàng	970.844.000	843.510.000
Vay	-	900.000.000
Lãi vay	70.500.000	46.378.954
Hàng bán trả lại	-	8.910.000
Công ty Cổ phần Y dược Domedic		
Thu từ đầu tư	-	13.750.200.000
Hoàn trả tiền vay	-	11.000.000.000
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường		
Mua hàng	-	42.173.834

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc giai đoạn hoạt động như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vốn góp		
Công ty TNHH Domenol	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty cổ phần Y dược Domedic	-	13.570.200.000
Công ty cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	-	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	-
Phải thu khác		
Công ty TNHH Domenol	3.219.553.922	204.053.922
Ứng trước		
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	541.500.000	360.000.000
Phải trả		
Công ty TNHH Domenol	60.500.000	40.799.000
Phải trả khác		
Công ty TNHH Domenol	70.500.000	-
Vay		
Công ty TNHH Domenol	-	900.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.687.479.735	1.732.952.362

33. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 20 tháng 8 năm 2013.

Đoàn Thị Quyên	**Phạm Ngọc Tuyền**	**Huỳnh Trung Chánh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 8 năm 2013